HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2022/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Về việc Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 7102/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2, bao gồm việc lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở y tế của Nhà nước (kể cả cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;

b) Người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế;

c) Người sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tự chi trả;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Cơ cấu giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

Cơ cấu giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 quy định tại Nghị quyết này bao gồm:

1. Chi phí trực tiếp của việc lấy mẫu và bảo quản mẫu; thực hiện và trả kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2.

2. Chi phí tiền lương theo ngạch bậc, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ do nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; không bao gồm phụ cấp phòng, chống dịch COVID-19 của cán bộ và nhân viên y tế.

3. Chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo thực tế sử dụng và giá mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

1. Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này. Mức giá tối đa không quá 78.000 đồng/xét nghiệm.

2. Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng máy miễn dịch tự động hoặc bán tự động mẫu đơn:

Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này. Mức giá tối đa không quá 178.900 đồng/xét nghiệm.

3. Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR

a) Trường hợp mẫu đơn: Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này. Mức giá tối đa không quá 501.800 đồng/xét nghiệm.

b) Trường hợp gộp mẫu: Giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương theo quy định tại cột 1 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 cho phản ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này, trong đó sinh phẩm xét nghiệm được chia đều theo số mẫu gộp. Mức giá tối đa không vượt quá mức giá xét

nghiệm gộp mẫu quy định tại cột 2 mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Nguồn thu từ dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế của Nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Trường hợp cơ sở y tế chuyển mẫu bệnh phẩm sang cơ sở y tế khác đủ điều kiện thực hiện xét nghiệm: Thanh toán theo mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 của đơn vị thực hiện xét nghiệm theo quy định tại Nghị quyết này và chi phí mua sinh phẩm xét nghiệm của đơn vị thực hiện xét nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Trường hợp việc lấy mẫu hoặc thực hiện xét nghiệm có sử dụng vật tư, sinh phẩm xét nghiệm được cấp từ nguồn phòng, chống dịch do ngân sách Nhà nước bảo đảm hoặc được các cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ, cấp không thu tiền thì cơ sở y tế công lập phải trừ chi phí vật tư, sinh phẩm xét nghiệm được hỗ trợ khi thu của người sử dụng dịch vụ.

4. Trường hợp chi phí thực hiện xét nghiệm cao hơn mức giá tối đa quy định tại cột 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, cơ sở y tế của Nhà nước được quyết toán vào nguồn kinh phí giao tự chủ, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị và không được thu của người sử dụng dịch vụ xét nghiệm.

5. Trường hợp mẫu gộp phát hiện dương tính, phải tiếp tục làm các xét nghiệm để phát hiện mẫu dương tính thì chi phí thực hiện xét nghiệm được tính tiếp theo từng trường hợp cụ thể bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp về chi phí đã thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- UBTV Quốc Hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL -Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

PHỤ LỤC

MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2

(Kèm theo Nghị quyết số: 13/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
A	B	1	2
I	**Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn**	**11.200**	**78.000**
II	**Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động mẫu đơn**	**30.800**	**178.900**
III	**Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:**	**212.700**	
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300	
3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		501.800
IV	**Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp**		
1	**Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)**	**78.800**	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		223.300
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		175.100

1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		151.000
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		136.600
2	**Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)**	**62.500**	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300	
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200	
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		110.600
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		103.800
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		98.600
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		94.600
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		91.400
3	**Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm**	**112.500**	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100	
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		257.000
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		208.800
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		184.700
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		170.300
4	**Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm**	**97.200**	
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		

4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		145.300
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		138.500
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		133.300
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		129.300
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		126.100